

# QUỸ TÍN DỤNG PHỤ NỮ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ĐÚNG ĐỐI TƯỢNG VAY VỐN

*(Nghiên cứu tại huyện Thanh Thủy và Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ)*

PHAN HUYỀN DÂN\*

*Bằng phương pháp nghiên cứu định tính, bài viết trình bày những nguy cơ dẫn tới sự chệch hướng về đối tượng hưởng lợi do chính thành viên và cán bộ Quỹ Tín dụng phụ nữ gây ra. Các nguy cơ có thể xảy ra bao gồm: Phụ nữ là người vay vốn nhưng chưa hẳn là người quản lý nguồn vốn; Quỹ tín dụng được chuyển giao cho cộng đồng khi chưa có cơ chế quản lý Quỹ một cách hiệu quả và minh bạch, v.v.. Bài viết nêu một số gợi ý về biện pháp phát hiện cũng như xử lý vấn đề này mà Trung tâm Dịch vụ Phát triển Nông thôn (RDSC) đã và đang áp dụng thành công trong dự án của mình tại 3 xã thuộc huyện Thanh Thủy và 2 xã thuộc huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.*

## Giới thiệu chung

Quỹ tín dụng phụ nữ (sau đây gọi tắt là Quỹ) là mô hình tài chính vi mô đã và được nhiều tổ chức thực hiện trong đó có các tổ chức phi chính phủ địa phương ở Việt Nam. Quỹ được xây dựng với mục đích hỗ trợ vốn cho phụ nữ nghèo là những người không có điều kiện tiếp cận vay vốn từ hệ thống ngân hàng chính thức. Trung tâm Dịch vụ Phát triển Nông thôn (RDSC) là một tổ chức phi chính phủ thành lập vào năm 1995. Từ đó đến nay Trung tâm đã liên tục hoạt động trong lĩnh vực tín dụng nhỏ cho phụ nữ. Các Quỹ tín dụng phụ nữ của Trung tâm đạt được những thành công đáng kể trong việc tiếp cận đối tượng phụ nữ nghèo, đặc biệt là phụ nữ là người dân tộc Mường, và đã tích lũy được những kinh nghiệm bổ ích trong việc tạo ra

sự bền vững của Quỹ.

Quỹ tín dụng của Trung tâm hoạt động tại ba xã nghèo thuộc chương trình 135 bao gồm Yên Mao, Phượng Mao và Tu Vũ thuộc huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đã thu hút trên 900 thành viên. Trong số đó 22% là phụ nữ nghèo (tính theo tiêu chuẩn xếp hạng hộ có sự tham gia), và 48% phụ nữ là người dân tộc Mường. Khởi đầu với số vốn 320 triệu đồng tiền mặt do RDSC hỗ trợ, đến nay tổng số vốn của quỹ đạt 585 triệu, hàng năm đáp ứng nhu cầu 650 lượt vay. Năm 2005, RDSC tiếp tục nhân rộng mô hình Quỹ tín dụng phụ nữ sang hai xã dự án mới là Trung Thịnh và Thạch Đồng thuộc huyện Thanh Thủy, và ba xã có tỉ lệ người dân tộc Mường chiếm tới hơn 90% thuộc huyện Thanh Sơn là Thu Ngạc, Thu Cúc và Thạch Kiệt.

Sau 10 năm hoạt động của Quỹ tín dụng, RDSC đã liên tục hoàn thiện, rút ra những bài học kinh nghiệm từ thành công và thất bại

\* Trung tâm Nghiên cứu Giới, Pháp luật và Phát triển Cộng đồng (Glacode)

của Quỹ, luôn luôn chú trọng tới việc xử lý những nguy cơ đe dọa tính bền vững của Quỹ, tận dụng các cơ hội để phát triển và nhân rộng mô hình.

Bài viết này trình bày *những nguy cơ dẫn tới sự chệch hướng về đối tượng hưởng lợi do chính thành viên và cán bộ Quỹ gây ra*, và một số gợi ý về biện pháp phát hiện cũng như xử lý vấn đề này mà Trung tâm đã và đang áp dụng thành công trong dự án của mình.

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phương pháp phân tích định tính sử dụng tổng quan tài liệu và phỏng vấn sâu Ban quản lý các Quỹ, cán bộ dự án, thành viên và một số không phải là thành viên Quỹ tại ba xã huyện Thanh Thủy, hai xã huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

**1. Quỹ tín dụng phụ nữ tại các xã dự án**

**1.1. Các loại hình Quỹ tín dụng**

Mô hình Quỹ tín dụng phụ nữ tại các xã dự án tồn tại dưới ba dạng căn cứ vào quy mô phát triển và chu trình quản lý: “Mô hình tự quản cấp thôn, mô hình Quỹ tín dụng Hội Phụ nữ cấp xã, và Quỹ tín dụng nhân dân bán chính thức” (Đặng Ngọc Quang, 2003). Đối với Quỹ cấp thôn, chủ tịch Quỹ đồng thời là chủ tịch Hội Phụ nữ thôn. Đối với mô hình Quỹ tín dụng Hội Phụ nữ cấp xã, hoạt động của Quỹ được lồng ghép trong hoạt động của

Hội Phụ nữ. Quỹ tín dụng bán chính thức là hình thức phát triển cao hơn của mô hình Quỹ tín dụng Hội Phụ nữ cấp xã; Quỹ là một tổ chức hạch toán độc lập với quy chế hoạt động chuẩn mực và sự giám sát chặt chẽ của Ban quản lý và Ban giám sát Quỹ. Ban quản lý Quỹ bao gồm ba thành viên đảm trách vị trí giám đốc, kế toán và thủ quỹ. Dưới Ban quản lý quỹ có các trường nhóm, mỗi nhóm có một số thành viên (Số đồ 1). Nguyên tắc hoạt động của Quỹ là “Đúng thời gian – Đúng dự án – Đúng người hưởng lợi – Đúng số tiền”.

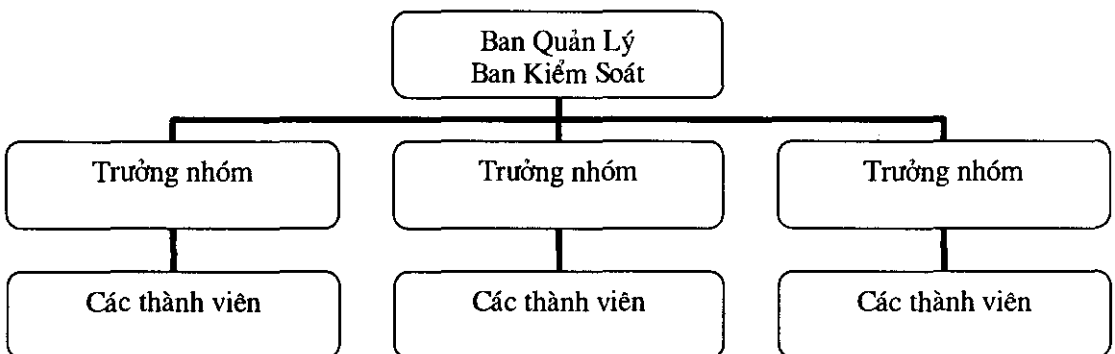
**1.2. Nguồn vốn**

Vốn ban đầu của tất cả các Quỹ bao gồm ba nguồn cơ bản: Vốn của nhà tài trợ có vai trò quan trọng nhất trong giai đoạn đầu hình thành Quỹ (đến nay vẫn chiếm tỉ lệ cao là 54,7%); vốn góp từ thành viên dần dần chiếm tỉ lệ cao lên thông qua hoạt động tiết kiệm định mức và trả lãi vay; và vốn nhân rồi huy động từ tiết kiệm tự nguyện của thành viên và cộng đồng (tỉ lệ tiết kiệm tự nguyện được khuyến khích nhưng chiếm tỉ trọng rất nhỏ). Có thể nói về lâu dài, tiết kiệm định mức và lãi vay của các thành viên là yếu tố sống còn của Quỹ tín dụng.

**1.3. Dịch vụ tài chính**

Quỹ đáp ứng nhu cầu vay của phụ nữ nói chung, tuy nhiên tập trung hỗ trợ đặc biệt cho đối tượng phụ nữ là người dân tộc nghèo dựa

**Sơ đồ 1: Mô hình quản lý của Quỹ tín dụng Hội Phụ nữ cấp xã và Quỹ tín dụng bán chính thức**



trên tín chấp. Lãi suất cho vay là 1%, cao hơn so với lãi suất trong các chương trình tín dụng của Ngân Hàng Người Nghèo và Ngân Hàng Nông Nghiệp Việt Nam. Lãi suất này sau đó được phân bổ cho quỹ lạm phát, quỹ rủi ro và chi phí quản lý, vì thế xét cho cùng lãi suất quay trở lại phục vụ cho lợi ích của chính các thành viên. Mỗi Quỹ tín dụng có thể đề xuất thời hạn và số tiền cho vay tối đa căn cứ vào khả năng của Quỹ, do đó thời hạn cho vay dao động từ một đến hai năm, số tiền cho vay tối đa dao động từ 1 triệu đến 2 triệu đồng mỗi lần vay. Các thành viên trước khi được viết đơn vay cần hoàn thành 50% tiết kiệm định mức.

## **2. Nguy cơ chệch hướng người hưởng lợi và giải pháp**

Thủ tục cho vay đơn giản và trả góp từng tháng là những điều kiện thực sự phù hợp với khách hàng là phụ nữ nghèo, giúp họ cải thiện thu nhập, từ đó nâng cao vị trí kinh tế-xã hội của người phụ nữ. Tuy nhiên, Quỹ tín dụng phụ nữ cũng tồn tại những rủi ro tiềm ẩn. Ba nguy cơ được đề cập trong bài viết này có thể xuất hiện vào bất cứ thời điểm nào từ giai đoạn thành lập Quỹ cho tới giai đoạn Quỹ được chuyển giao cho cộng đồng nếu như không được phát hiện kịp thời và có biện pháp xử lý thích hợp. Mỗi nguy cơ thường gắn liền với từng giai đoạn phát triển của Quỹ.

### **2.1. Giai đoạn hình thành Quỹ (Trong 2-3 năm đầu tiên)**

Giai đoạn hình thành dự án tập trung nâng cao năng lực phụ nữ dưới sự hướng dẫn của cán bộ dự án. Trong giai đoạn này, Quỹ thực hiện mô hình thí điểm tại một hoặc hai thôn mỗi xã.

#### *Nguy cơ*

Phụ nữ là người vay vốn, nhưng chưa chắc đã là người quản lý nguồn vốn, có thể do họ thiếu kiến thức quản lý và còn bị lệ thuộc vào người chồng.

#### *Phân tích*

Trước đây, phụ nữ không có nhiều điều kiện học hành hoặc tham gia vào các hoạt động xã hội, do đó họ ít khi có quyền kiểm soát thu nhập của chồng cũng như quyền quyết định trong gia đình. Ngay cả khi phụ nữ được trao vốn, họ cũng gặp khó khăn trong việc quyết định đầu tư và tính toán hiệu quả đồng vốn. Khi đó, người phụ nữ trở thành đối tượng hưởng lợi gián tiếp, chứ không phải là đối tượng hưởng lợi trực tiếp như thiết kế dự án. Tuy nhiên, trong khuôn khổ dự án do RDSC thực hiện, chưa gặp phải những trường hợp thành viên tham gia Quỹ thụ động với số vốn vay của mình, do Trung tâm đã tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực cho phụ nữ dân tộc Mường thuộc địa bàn dự án.

Hoạt động tạo thu nhập ở nông thôn, miền núi nói chung và của khu vực dự án nói riêng chủ yếu từ trồng trọt và chăn nuôi, do đó hỗ trợ kỹ thuật không chỉ giúp phụ nữ nâng cao kiến thức trong sản xuất nông nghiệp, mà quan trọng hơn còn giúp họ có thể tự đánh giá khả năng nâng cao điều kiện sống, tạo sự tự tin cho người phụ nữ trước khi họ chính thức bắt đầu sử dụng vốn vay hiệu quả. Quá trình đào tạo này đặc biệt quan trọng trong thời kỳ đầu hoạt động dự án vì có thể tạo ra đội ngũ cán bộ và nông dân nòng cốt chia sẻ, tuyên truyền kinh nghiệm cho cộng đồng một cách hiệu quả trong thời gian sau này (Evelijne Bruning and Truong Hong Chau, 1998). Người phụ nữ từng được sử dụng nguồn vốn của mình sẽ tỏ ra nhanh nhạy hơn với những chướng ngại cũng như cơ hội, và có thể đưa ra sáng kiến để cải thiện, thậm chí thay đổi điều kiện hoạt động tạo thu nhập. Đối với Ban quản lý Quỹ, quá trình đào tạo cũng là cơ hội để tiếp cận với việc quản lý vốn bền vững.

Nguy cơ đặt ra có thể dẫn tới hậu quả là trách nhiệm nợ nần nằm trên vai người phụ nữ nếu như khoản vay không được sử dụng hiệu quả. Trong trường hợp này, việc gắn liền

khoản vay với trách nhiệm của người chồng sẽ đem lại hai tác dụng tích cực: Nếu như vốn vay thành công, đó sẽ là điều kiện để người phụ nữ khẳng định bản thân trong hoạt động kinh tế và tham gia vào việc quyết định trong gia đình; nếu như vốn vay chưa thành công, trách nhiệm trả nợ được chia sẻ trong gia đình, giảm bớt gánh nặng cho người phụ nữ. Ngoài ra, việc gán trách nhiệm người chồng với khoản vay cũng là một điều kiện đảm bảo an toàn cho Quỹ trong trường hợp có vấn đề bất ngờ xảy ra với người vợ vay tiền (đột tử, bỏ nhà đi...).

#### *Giải pháp*

Vậy đã có những giải pháp gì để người phụ nữ thực sự quản lý số tiền vay của mình?

Trước hết, cần tổ chức các khóa đào tạo về kiến thức trồng trọt và chăn nuôi. Đồng thời với việc hỗ trợ về kỹ thuật, cán bộ dự án có trách nhiệm tuyên truyền “ý thức tiết kiệm và hướng dẫn cộng đồng cách tính toán đơn giản hiệu quả của đồng vốn” (IFAD special studies series, 1985, tr.5).

Thứ hai, khoản vay lần đầu tiên nên nhỏ và tăng dần qua các lần vay (I.P.Getubig, M.Yaakub Johari, Angela M.Kuga Thas, 1993), vì bản thân mỗi lần sử dụng vốn vay cũng là một quá trình “học tập thông qua hành động” (Odile Ruijs, 1996, tr.4), đúc rút kinh nghiệm từ thực tế.

Cuối cùng, Quỹ yêu cầu cả hai vợ chồng cùng ký tên vào đơn đăng ký vốn vay. Khi khoản vay được gán cùng trách nhiệm của cả người chồng, quá trình ra quyết định cũng sẽ được thực hiện bởi hai vợ chồng.

#### **2.2. Giai đoạn thực hiện (Ba năm tiếp theo)**

Giai đoạn này đánh dấu một bước phát triển mới khi có sự hợp tác với Hội Phụ nữ xã. Hội Phụ nữ xã cùng với cán bộ dự án thực hiện hoạt động nâng cao năng lực và quản lý.

#### *Nguy cơ*

Nguy cơ nợ đọng xuất hiện nhu cầu vay

vốn được thỏa mãn cao trong khi chưa xây dựng được cơ chế hiệu quả quản lý việc trả gốc và lãi. Theo lý thuyết cung – cầu, khi cung đạt mức cân bằng hoặc vượt cầu, nhu cầu một dịch vụ bất kỳ sẽ bị bão hòa, và sự tồn tại của dịch vụ đó không còn ý nghĩa kích thích phát triển. Hơn nữa, Quỹ dư thừa vốn có tác động thu hút đối tượng vay là các hộ khá và cán bộ địa phương. Trong trường hợp này, rõ ràng những người thực sự nghèo tiếp cận với vốn vay chịu áp lực cạnh tranh không bình đẳng.

#### *Phân tích*

Quỹ tín dụng phụ nữ đầu tiên được Trung tâm thiết lập tại xã Phương Mao, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ có thể được đưa ra làm một ví dụ tiêu biểu của tình trạng nợ đọng bắt nguồn từ sự dư thừa vốn. Theo hợp đồng ký kết giữa Trung tâm và địa phương, Quỹ được thành lập dựa trên nguồn tài trợ và đóng góp địa phương theo tỉ lệ 3:1. Nguồn tài trợ sau đó được chuyển giao toàn bộ cho Quỹ trong một năm đầu tiên, trong khi tỉ lệ đối ứng còn thấp. Sức ép giải ngân cùng với sự dư thừa về đồng vốn khiến cho Ban quản lý Quỹ cấp vốn không chỉ cho đối tượng phụ nữ nghèo, mà cho các hộ khá giả và cán bộ địa phương nhiều loại khoản vay (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn) có giá trị lớn hơn quy chế.

Hộ nghèo sẽ không có khả năng trả lãi và gốc hàng tháng nếu như họ được vay một lúc 2-3 khoản. Bởi nếu như việc trả lãi và gốc là dễ dàng đối với các hộ này, chắc chắn họ đã vay vốn từ các ngân hàng với lãi suất thấp hơn, thời gian vay dài hơn và khoản vay lớn hơn.

Với các hộ khá, họ thường gửi tiết kiệm ở Quỹ khi có tiền nhàn rỗi, vì thực tế, khoản vay từ Quỹ là nhỏ để họ có thể đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Họ vay tiền từ Quỹ chỉ khi Quỹ dư thừa. Theo nhận xét của một Giám đốc Quỹ “Quỹ chỉ thực sự phù hợp với người nghèo. Các hộ khá coi khoản

vay này có giá trị nhỏ, vì thế họ thường trả cả gốc lẫn lãi một lần vào ngày hết hạn, do đó Ban quản lý gặp khó khăn khi điều phối Quỹ trong thời gian các hộ này vay.”

Sự dư thừa về vốn cũng là điều kiện để cán bộ địa phương trở thành thành viên Quỹ. Cán bộ là nam giới sẽ vay tiền dưới tên của vợ. Họ lợi dụng vị trí của mình để nắm nhiều khoản vay với giá trị lớn, gây ra sự mất đoàn kết và nợ đọng trên diện rộng.

### *Giải pháp*

Điều cần làm đầu tiên là xây dựng quy chế minh bạch, không cho phép hiện tượng lách quy chế. Ví dụ như dự án của Trung tâm, Quy chế quy định mỗi thành viên chỉ được vay một khoản, và sau khi hoàn trả khoản vay này, sau một tháng các thành viên mới được vay khoản tiếp theo. Chế tài phạt cho các đối tượng trả chậm cũng được hình thành.

Hiện tại, Quỹ đang áp dụng mức đáp ứng nhu cầu vay là 75% đối với số người có nguyện vọng vay, và dưới 50% đối với số tiền được đề xuất. Tỷ lệ trả lãi luôn luôn đạt 100%, trong khi tỷ lệ trả gốc của dự án là 95%. Chính sức ép nội bộ giữa các thành viên là điều kiện đảm bảo hoàn trả vốn vay, giúp cho Quỹ hoạt động ổn định trong suốt thời gian qua.

Kinh nghiệm cho thấy việc thiết lập “văn hóa hoàn trả” (S.Tilakaratra, 1996) rất quan trọng. Khi một thành viên không trả vốn, lập tức những thành viên khác sẽ thấy rằng họ cũng không có trách nhiệm phải trả. Do đó, cuộc thi đua ưu tiên cho những người trả đúng hạn và những thôn có tỷ lệ trả gốc lãi cao là một trong những công cụ hiệu quả để tạo ra “văn hóa hoàn trả”. Đôi khi, chúng tôi nhận được phản nàn từ phía một số phụ nữ nghèo. Họ thắc mắc vì sao không nhận được vốn vay hoặc chỉ nhận được một phần so với đề nghị, trong khi một số phụ nữ khá giả khác lại nhận được khoản vay như mong muốn. Thực ra, những người có ý kiến như vậy thường nằm trong nhóm những hộ quá

hạn. Vì thế, trong trường hợp này, vai trò của hộ trung bình và hộ khá nên được coi như một yếu tố tích cực để phổ biến kỹ thuật sản xuất kinh doanh cho hộ nghèo, đồng thời là lực đẩy trong quá trình cạnh tranh và phát triển.

### *2.3. Giai đoạn chuyển giao*

Trong giai đoạn này, Quỹ dần dần đi vào hoạt động độc lập, tự hạch toán kinh doanh.

#### *Nguy cơ*

Sau khi chuyển giao Quỹ cho cộng đồng, hiện tượng lựa chọn không đúng đối tượng hưởng lợi xuất hiện, mà nguyên nhân bắt nguồn một phần từ năng lực quản lý, và phần lớn do sự thiếu minh bạch trong cơ chế quản lý ở thôn.

#### *Phân tích*

Theo quan sát dự án, tồn tại hai dạng lựa chọn không đúng đối tượng hưởng lợi:

1. Cán bộ Quỹ có hành động thiếu minh bạch và chỉ bản thân cán bộ đó biết về việc làm của mình. Cụ thể là cán bộ đó tự ý lấy tên của các thành viên để vay vốn cho bản thân. Hoặc cán bộ đó đưa một phần số tiền Quỹ cấp cho thành viên, số tiền còn lại cán bộ sẽ sử dụng cho mục đích cá nhân.

2. Tất cả các thành viên thỏa thuận với tổ trưởng về việc mượn tên của nhau. Do trách nhiệm bình bầu thành viên được vay thuộc về tổ trưởng và thành viên ở cấp thôn, nên cán bộ quản lý cấp xã thường không biết thỏa thuận này. Các thỏa thuận ngầm diễn ra giữa những thành viên có quan hệ bạn bè hoặc họ hàng thân thiết.

Với trường hợp thứ nhất, nguy cơ chậm trả rất cao, và có thể dẫn tới tình trạng nợ đọng hoặc nợ khó đòi do người vay không đủ khả năng quản lý khoản tiền lớn như vậy. Hơn nữa, sự gian lận của cán bộ Quỹ sẽ gây ra phản ứng dây chuyền không chịu trả vốn của những thành viên khác. Quan trọng hơn cả, vốn vay cho người nghèo đã thực sự chưa đến được tay người nghèo.

Trong khi trường hợp một kéo theo ảnh hưởng trực tiếp, nghiêm trọng và nhanh chóng tới sự tồn tại của Quỹ, thì trường hợp sau lại là sự tích tụ các nguy cơ tiềm ẩn. Người cho mượn tên tin tưởng rằng họ hiểu rất rõ về người mượn tên, tuy nhiên, họ không lường trước được tất cả những khả năng có thể xảy ra như thiên tai, thất bại trong sản xuất kinh doanh, ốm đau hay đột tử. Nếu như những rủi ro này xảy ra, chính họ sẽ trở thành con nợ của Quỹ.

Sự thiếu minh bạch trên có thể bị phát hiện dễ dàng thông qua chế độ kiểm soát thường xuyên theo Quy chế Quỹ, hoặc kiểm tra bất ngờ căn cứ vào thông tin truyền miệng hoặc những quan sát cho thấy tỉ lệ trả gốc thấp. Trong dự án nêu trên, mỗi Quỹ thành lập một Ban giám sát có nhiệm vụ kiểm định vốn vay sau 10 ngày kể từ khi vốn được chuyển cho thành viên. Sự bền vững của Quỹ sẽ góp phần thu hút nguồn tiết kiệm nhàn rỗi từ các hộ khá, đồng thời sức ép sử dụng Quỹ hiệu quả và đúng đối tượng từ nội bộ Quỹ và từ bên ngoài là yếu tố mấu chốt cho sự minh bạch của Quỹ.

*Giải pháp*

Công việc tuyên truyền về mức độ nguy hiểm của việc cho mượn tên cần được coi như là biện pháp mang tính chất thường xuyên và đạt hiệu quả.

Thứ hai, về lâu dài, cách tốt nhất là dần dần đưa Quỹ thuộc quyền sử hữu thực sự của cộng đồng thông qua việc nâng dần mức tiết kiệm định mức của thành viên. Khi đó, các thành viên sẽ quan tâm hơn tới sự an toàn tài sản của bản thân, và đạo đức của cán bộ Quỹ. Trong dự án RDSC, Quỹ tín dụng Phương Mao đang nâng dần tiết kiệm định mức của thành viên, đến nay là 150.000 đồng/thành viên, và đang đề xuất mức tiết kiệm mới là 200.000 đồng/thành viên.

**3. Kết luận**

Đưa tín dụng tới phụ nữ dân tộc nghèo với

mục tiêu giảm nghèo và nâng cao địa vị của người phụ nữ chắc chắn là một nhiệm vụ đầy thử thách và không tránh khỏi khó khăn. Bài viết đề cập tới ba nguy cơ có thể dẫn tới sự chệch hướng về đối tượng hưởng lợi, đồng thời chia sẻ kinh nghiệm giải quyết các vấn đề này. Quỹ tín dụng phụ nữ chỉ được coi là thành công khi phụ nữ nghèo thực sự kiểm soát và hưởng lợi từ vốn vay, đồng thời vốn vay được đảm bảo hoàn trả đúng như quy chế đề ra. Do đó, sự minh bạch của Ban quản lý Quỹ, sự tham gia của cộng đồng, và trách nhiệm của cả hai phía là những điều kiện cần quan tâm đặc biệt trong suốt quá trình hoạt động của Quỹ. ■

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Đặng Ngọc Quang. 2003. *Mô hình tín dụng vi mô do Trung tâm Dịch vụ Phát triển Nông thôn RDSC hỗ trợ – Bài học và Triển vọng*. Tài liệu nội bộ.

Evelijne Bruning and Truong Hong Chau. 1998. *It's time for some changes – Learning from doing: Evaluating two years of credit in Hai Ninh*. October 1997 - January 1998

I.P.Getubig, M.Yaakub Johari, Angela M.Kuga Thas. 1993. *Overcoming Poverty through Credit: The Asian Experience in Replicating the Grameen Bank Approach*. APDC.

IFAD special studies series. 1985. *The Role of Rural Credit Projects in Reaching the Poor: IFAD's Experience*. Published for the International Fund for Agricultural Development Rome by Tycooly Publishing Oxford.

Odile Ruijs. 1996. *Một số khía cạnh về giới và đánh giá các chương trình tín dụng và tiết kiệm*. Biên soạn cho Oxfam Anh và Ireland tại Việt Nam, tháng 11.

S.Tilakaratna. 1996. *Credit schemes for the rural poor: Some conclusions and lessons from practice*. (Development and Technical Cooperation Department – International Labour Office Geneva).